

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 86/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau (sau thẩm tra); Báo cáo thẩm tra số 57/BC-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 6 Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, như sau:

“2. Đối tượng nộp: Các tổ chức, cá nhân là chủ đầu tư các dự án, chủ các cơ sở trên địa bàn tỉnh Cà Mau đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.

2. Sửa đổi khoản 2 Điều 7 Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường, như sau:

“2. Đối tượng nộp: Các tổ chức, cá nhân là chủ đầu tư các dự án, chủ các cơ sở trên địa bàn tỉnh Cà Mau đề nghị thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân cấp tỉnh”.

3. Sửa đổi Điều 12 Phí thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi thành phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường, như sau:

“1. Tổ chức thu: Sở Tài nguyên và Môi trường thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với các tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Đối tượng nộp: Các tổ chức, cá nhân có yêu cầu và được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường), Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường.

3. Mức thu

a) Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mức thu đối với cấp mới/cấp lại 5.700.000 đồng/lần cấp; điều chỉnh 2.400.000 đồng/lần điều chỉnh;

b) Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mức thu đối với cấp mới/cấp lại 3.300.000 đồng/lần cấp; điều chỉnh 2.400.000 đồng/lần điều chỉnh;

c) Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường. Thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mức thu đối với cấp mới/cấp lại 9.100.000 đồng/lần cấp; điều chỉnh 2.400.000 đồng/lần điều chỉnh.

Thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện mức thu đối với cấp mới/cấp lại 4.600.000 đồng/lần cấp; điều chỉnh 2.400.000 đồng/lần điều chỉnh;

d) Các cơ sở đang hoạt động. Thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mức thu đối với cấp mới/cấp lại 6.400.000 đồng/lần cấp; điều chỉnh 2.400.000 đồng/lần điều chỉnh. Thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện mức thu đối với cấp mới/cấp lại 3.000.000 đồng/lần cấp; điều chỉnh 1.600.000 đồng/lần điều chỉnh;

đ) Dự án đầu tư, cơ sở thuộc đối tượng quy định tại Khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh mức thu đối với cấp mới/cấp lại 2.300.000 đồng/lần cấp; điều chỉnh 2.400.000 đồng/lần điều chỉnh. Thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện mức thu đối với cấp mới/cấp lại 2.300.000 đồng/lần cấp; điều chỉnh 1.600.000 đồng/lần điều chỉnh.

4. Quản lý, sử dụng

a) Tổ chức thu phí được trích để lại 90% số tiền phí thu được để chi phí cho hoạt động thẩm định và nộp 10% vào ngân sách nhà nước;

b) Tổ chức thu phí thực hiện chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng, quyết toán và công khai tài chính theo quy định hiện hành”.

4. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 14 Phí đăng ký giao dịch bảo đảm và cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm, như sau:

“b) Hộ gia đình, cá nhân khi đăng ký giao dịch bảo đảm để vay vốn tại tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 4, Điều 9 của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 15 Lệ phí đăng ký cư trú, như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Tổ chức thu: Công an xã, phường, thị trấn”.

b) Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Đối tượng nộp: Người đăng ký cư trú, hộ gia đình đăng ký cư trú được cơ quan đăng ký cư trú giải quyết việc đăng ký cư trú theo quy định của pháp luật”.

c) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3, như sau:

“a) Không thu lệ phí đăng ký cư trú đối với các trường hợp do sai sót của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc vì lý do nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đổi tên đường phố, đổi số nhà”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4, như sau:

Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người mức thu tại phường 6.000 đồng/lần; xã, thị trấn 5.000 đồng/lần;

Đăng ký tạm trú theo danh sách mức thu tại phường 6.000 đồng/lần; xã, thị trấn 5.000 đồng/lần;

Gia hạn tạm trú cả hộ hoặc một người mức thu tại phường 5.000 đồng/lần; xã, thị trấn 3.000 đồng/lần;

Gia hạn tạm trú theo danh sách mức thu tại phường 5.000 đồng/lần; xã, thị trấn 3.000 đồng/lần;

Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú mức thu tại phường 5.000 đồng/lần; xã, thị trấn 3.000 đồng/lần;

Tách hộ, xác nhận thông tin về cư trú mức thu tại phường 5.000 đồng/lần; xã, thị trấn 3.000 đồng/lần.”

6. Bổ sung điểm c khoản 3 và sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 17 Lệ phí hộ tịch, như sau:

a) Bổ sung điểm c khoản 3, như sau:

“c) Các đối tượng thuộc diện miễn lệ phí bao gồm trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 về đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện, như sau:

“Đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc trong nước mức thu 28.000 đồng/lần đăng ký;

Đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn; đăng ký nhận cha, mẹ, con, mức thu 1.500.000 đồng/lần đăng ký”.

7. Bổ sung điểm c khoản 3 Điều 18 Lệ phí cấp phép lao động cho người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh Cà Mau, như sau:

“c) Gia hạn giấy phép lao động: 450.000 đồng/giấy phép”.

8. Bãi bỏ Điều 16 Lệ phí cấp giấy chứng minh nhân dân.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa X, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- BTT. UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Hải